

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 06.10.2017

Phiên bản 1.2

Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Định dạng sản phẩm

Số Danh Mục	100979
Tên sản phẩm	Isoamyl alcohol for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur
REACH Số Đăng ký	Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn
Số CAS	123-51-3

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	Thuốc thử để phân tích Để biết thêm thông tin về cách sử dụng, hãy tham khảo cổng thông tin Các hóa chất của Merck (www.merckgroup.com).
--	---

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty	Merck KGaA * D-64271 Darmstadt * Đức* ĐT: +49 61 51 72-0
Đơn vị phụ trách	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM Thời gian làm việc: Thứ 2 đến thứ 6 (8:00 đến 17:00)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

100979

Tên sản phẩm

Isoamyl alcohol for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Đại diện khu vực

Cty TNHH Merck Việt Nam

Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi,

Q.Phú Nhuận, TP.HCM

1.4 Điện thoại khẩn cấp

ĐT: +84 8 38420100/ + 84 8 38420117

Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

Phân loại (Quy định số 1272/2008 (EC))

Chất lỏng dễ cháy., Nhóm 3, H226

Độc tính cấp tính, Nhóm 4, Hít phải, H332

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ), Nhóm 3, Hệ hô hấp, H335

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

2.2 Các yếu tố nhãn

Dán nhãn (Quy định số 1272/2008 (EC))

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm

H226 Chất lỏng và hơi dễ cháy.

H332 Có hại nếu hít phải.

H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.

EUH066 Phơi nhiễm lặp đi lặp lại có thể làm khô hoặc rạn da.

Các lưu ý phòng ngừa

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

100979

Tên sản phẩm

Isoamyl alcohol for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Biện pháp phòng ngừa

P210 Để xa nguồn nhiệt.

Biện pháp ứng phó

P304 + P340 NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ nghỉ ngơi ở tư thế dễ thở.

Ghi nhãn bị giảm (≤ 125 ml)

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Cảnh báo

Số CAS

123-51-3

2.3 Các nguy cơ khác

Được biết là chưa xảy ra.

Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

3.1 Chất

Công thức $(\text{CH}_3)_2\text{CHCH}_2\text{CH}_2\text{OH}$ $\text{C}_5\text{H}_{12}\text{O}$ (Hill)

Số EC 204-633-5

Khối lượng mol 88,15 g/mol

Thành phần nguy hiểm (Quy định số 1272/2008 (EC))

Tên hóa học (Nồng độ)

Số CAS Số đăng ký Phân loại

Isoamyl alcohol ($\leq 100\%$)

Chất không đáp ứng các tiêu chí về PBT hoặc vPvB theo Quy định (EC) số 1907/2006, Annex XIII.

123-51-3 *)

Chất lỏng dễ cháy., Nhóm 3, H226

Độc tính cấp tính, Nhóm 4, H332

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

100979

Tên sản phẩm

Isoamyl alcohol for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ), Nhóm 3, H335

*) Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

3.2 Hỗn hợp

Không áp dụng được

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sau khi hít phải: không khí sạch. Nếu ngừng thở: hà hơi thổi ngạt hoặc hô hấp nhân tạo. Thở ô xy nếu cần. Gọi bác sĩ ngay lập tức.

Trong trường hợp tiếp xúc với da: Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm.

Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước. Gỡ bỏ kính áp tròng.

Sau khi nuốt vào: cẩn thận nếu nạn nhân nôn ra. Rủi ro hít vào! Giữ lỗ thông gió thông thoáng. Có thể bị suy hô hấp sau khi hít phải chất nôn mửa. Gọi bác sĩ ngay lập tức.

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

Viêm da, Chóng mặt, Bất tỉnh, Tiêu chảy, Buồn nôn, Nôn mửa, Đau đầu, suy yếu cơ bắp, tình trạng lơ mơ, rối loạn, Hôn mê
các ảnh hưởng gây kích ứng, Ho, Khó thở, Phơi nhiễm lặp đi lặp lại có thể làm khô hoặc rạn da.

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Không có thông tin.

Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

5.1 Các phương tiện chữa cháy

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

100979

Tên sản phẩm

Isoamyl alcohol for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Các phương tiện chữa cháy phù hợp

Carbon dioxide (CO₂), Bột, Bột khô

Các phương tiện chữa cháy không phù hợp

Đối với chất/hỗn hợp này, không có giới hạn tác nhân dập lửa nào được cung cấp.

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

dễ cháy

Các hơi này nặng hơn không khí và có thể lan toả dọc theo sàn nhà.

Tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi không khí ở nhiệt độ tăng lên.

Có thể phát sinh khí hoặc hơi dễ cháy nguy hiểm khi có lửa.

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa

Trong trường hợp hỏa hoạn, đeo các dụng cụ thở cá nhân.

Thông tin khác

Di chuyển bình chứa khỏi nơi nguy hiểm và làm mát bằng nước. Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Không được hít hơi, aerosol.

Tránh tiếp xúc với hóa chất. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Để xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia.

Lời khuyên dành cho người ứng cứu khẩn cấp:

Thiết bị bảo hộ xem phần 8.

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh. Nguy cơ nổ.

6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

100979

Tên sản phẩm

Isoamyl alcohol for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn. Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10). Giữ vai trò là chất hấp thụ chất lỏng (ví dụ Chemisorb®). Vứt bỏ đúng cách. Dọn sạch khu vực bị ảnh hưởng.

6.4 Xem các mục khác

Các chỉ dẫn về xử lý chất thải xem phần 13.

Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hóa chất

Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn

Làm việc có mũ bảo hộ. Không hít chất/hỗn hợp. Tránh tạo ra hơi/thuốc xịt.

Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ

Để xa các ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và các nguồn gây cháy. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.

Các biện pháp vệ sinh

Thay quần áo bẩn. Khuyến nghị bảo vệ da phòng ngừa. Rửa tay sau khi làm việc với hóa chất.

7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Điều kiện lưu trữ

Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt. Để xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy.

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị, xem nhãn sản phẩm.

7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài các cách sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không thấy trước cách sử dụng cụ thể nào khác.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

100979

Tên sản phẩm

Isoamyl alcohol for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

Các biện pháp kỹ thuật

Các phương pháp kỹ thuật và thao tác làm việc phù hợp phải được ưu tiên đối với việc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân.

Xem phần 7.1.

Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Quần áo bảo hộ cần phải được chọn cụ thể cho nơi làm việc, tùy vào nồng độ và lượng hóa chất nguy hiểm được xử lý. Phải yêu cầu thiết bị bảo vệ chống hóa chất tại nhà cung cấp tương ứng.

Bảo vệ mắt/mặt

Kính bảo hộ

Bảo vệ tay

tiếp xúc hoàn toàn:

Chất liệu găng tay:	Cao su nitrile
Độ dày của găng:	0,40 mm
Thời gian thấm:	> 480 min

tiếp xúc một lượng nhỏ:

Chất liệu găng tay:	Cao su nitrile
Độ dày của găng:	0,11 mm
Thời gian thấm:	> 30 min

Găng tay bảo hộ được sử dụng phải tuân theo các thông số của Chỉ thị EC 89/686/EEC và EN374 chuẩn có liên quan chẳng hạn KCL 730 Camatril® -Velours (tiếp xúc hoàn toàn), KCL 741 Dermatril® L (tiếp xúc một lượng nhỏ).

Số lần thử nghiệm được nêu ở trên được xác định bằng KCL trong các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm theo EN374 với các mẫu về loại găng tay được đề xuất.

Đề xuất này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong tờ dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và cho mục đích sử dụng được chỉ định. Khi hòa tan hoặc trộn với các hóa chất khác và trong các điều kiện sai khác với các

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

100979

Tên sản phẩm

Isoamyl alcohol for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Thiết bị bảo hộ khác

Quần áo bảo hộ chống tĩnh điện và chống cháy.

Bảo vệ hô hấp

bắt buộc khi có hơi/thuốc xịt.

Loại bộ lọc đề xuất: Bình lọc A (theo DIN 3181) cho hơi của các hợp chất hữu cơ

Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thiết bị bảo vệ hô hấp được tiến hành theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Các phương pháp này phải được lập thành tài liệu đúng cách.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

Nguy cơ nổ.

Phần 9. Các tính chất vật lý và hóa học

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

Hình thể	thể lỏng
Màu sắc	không màu
Mùi đặc trưng	nặng mùi
Ngưỡng mùi	Không có thông tin.
Độ pH	7 ở 25 g/l 20 °C
Điểm nóng chảy	-147 °C Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 102
Điểm sôi/khoảng sôi	130,7 °C ở 1.013 hPa

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	100979
Tên sản phẩm	Isoamyl alcohol for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Điểm chớp cháy	43,5 °C Phương pháp: cốc kín
Tỷ lệ hóa hơi	Không có thông tin.
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không có thông tin.
Giới hạn dưới của cháy nổ	1,2 %(V)
Giới hạn trên của cháy nổ	8 %(V)
Áp suất hóa hơi	3 hPa ở 20 °C
Tỷ trọng hơi tương đối	3,04
Mật độ	0,81 g/cm ³ ở 20 °C Phương pháp: DIN 53217
Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin.
Tính tan trong nước	25 g/l ở 20 °C
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	log Pow: 1,35 Hướng dẫn xét nghiệm OECD 107 Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin.
Nhiệt độ phân hủy	Có thể chưng cất trong trạng thái chưa phân hủy ở áp suất thường.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	100979
Tên sản phẩm	Isoamyl alcohol for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Độ nhớt, động lực	4,3 mPa.s ở 20 °C
Đặc tính cháy nổ	Không được phân loại là dễ nổ.
Đặc tính ôxy hóa	không

9.2 Các dữ liệu khác

Nhiệt độ bốc cháy	335 °C ở 1.013 hPa Phương pháp: DIN 51794
Nồng độ hơi bão hòa	11 g/m ³ ở 20 °C
Độ nhớt, động học	5,32 mm ² /s ở 20 °C

Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng

Hỗn hợp hơi/không khí dễ nổ khi nhiệt độ tăng mạnh.

10.2 Tính ổn định hóa học

Sản phẩm ổn định về mặt hóa học trong điều kiện môi trường chuẩn (nhiệt độ phòng).

10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Rủi ro bốc cháy hoặc tạo thành khí hoặc hơi dễ cháy với:

Flo, Các chất oxy hóa mạnh, Oxy, Các kim loại kiềm, Các kim loại đất kiềm, Axit, Isocyanat, halogen, axit perchloric, lithium hiđrua nhôm, Axit anhydrit, perchlorat, Nhôm, Sunfua

10.4 Các điều kiện cần tránh

Đun nóng.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

100979

Tên sản phẩm

Isoamyl alcohol for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

10.5 Các vật liệu xung khắc

cao su

10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

không có thông tin

Phần 11. Thông tin độc học

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Độc tính cấp theo đường miệng

LD50 Chuột: > 5.000 mg/kg

(MSDS bên ngoài)

Triệu chứng: Rủi ro hít vào khi nôn ra., Hít phải có thể gây ra viêm hoặc phù phổi.

Độc tính cấp do hít phải

Ước lượng độc tính cấp: 11,1 mg/l; hơi

Đánh giá của chuyên gia

Triệu chứng: Kích thích màng nhầy, Ho, Khó thở, Hư hỏng có thể:, hư hỏng khoang hô hấp, Hít vào có thể dẫn đến phù nề trong khoang hô hấp.

Độc tính cấp qua da

LD50 Thỏ: > 3.000 mg/kg

(MSDS bên ngoài)

Kích ứng da

Phơi nhiễm lặp đi lặp lại có thể làm khô hoặc rạn da.

Viêm da

Kích ứng mắt

Thông tin này không có sẵn.

Nhạy cảm

Thông tin này không có sẵn.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

100979

Tên sản phẩm

Isoamyl alcohol for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Biến đổi tế bào gốc

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm

Xét nghiệm Ames

Kết quả: Âm tính

(Lít)

Độc tính gây ung thư

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính đối với sinh sản

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)

Có thể gây kích ứng hô hấp.

Các cơ quan đích: Hệ hô hấp

Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần

Thông tin này không có sẵn.

Nguy cơ hô hấp

Thông tin này không có sẵn.

11.2 Thông tin khác

Hấp thụ qua:

Đường ruột

Sau khi hấp thụ lượng lớn:

Đau đầu, tình trạng lơ mơ, ăn kém ngon, Buồn nôn, Nôn mửa, Tiêu chảy, Chóng mặt, suy yếu cơ bắp, rối loạn, Bất tỉnh, Hôn mê

Hư hỏng có thể:

Hư hỏng đối với:

Gan, Thận, Phổi, bệnh tim

Tác dụng tiềm tàng bởi: ethanol

Không loại trừ các đặc tính nguy hiểm khác

Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

100979

Tên sản phẩm

Isoamyl alcohol for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Phần 12. Thông tin sinh thái học

12.1 Độc tính

Độc đối với cá

LC50 *Oncorhynchus mykiss* (cá hồi cầu vồng): 700 mg/l; 96 h

IUCLID)

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác

EC50 *Daphnia* (Rận nước *Daphnia*): 260 mg/l; 48 h

IUCLID)

Độc đối với tảo

IC50 *Desmodesmus subspicatus* (tảo lục): 493 mg/l; 72 h

IUCLID)

Độc tính đối với vi khuẩn

EC50 *Pseudomonas putida* (Vi khuẩn *Pseudomonas putida*): 2.500 mg/l; 17 h

IUCLID)

12.2 Tính bền vững và phân hủy

Tính phân hủy sinh học

84 %; 27 d

Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 301C

Dễ phân huỷ sinh học.

Nhu cầu oxy trên lý thuyết (ThOD)

2.740 mg/g

(Lít)

Ratio BOD/COD

63 %

IUCLID)

Ratio BOD/ThBOD

BOD5 55 %

(Lít)

Ratio COD/ThBOD

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

100979

Tên sản phẩm

Isoamyl alcohol for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

77 %

(Lít)

12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

Hệ số phân tán: n-octanol/nước

log Pow: 1,35

Hướng dẫn xét nghiệm OECD 107

Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.

12.4 Tính biến đổi trong đất

Không có thông tin.

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Chất không đáp ứng các tiêu chí về PBT hoặc vPvB theo Quy định (EC) số 1907/2006, Annex XIII.

12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

Cần tránh thải loại vào môi trường.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

100979

Tên sản phẩm

Isoamyl alcohol for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

Các phương pháp xử lý chất thải

Rác thải phải được vứt bỏ theo các quy định của địa phương và nhà nước. Để nguyên hóa chất trong hộp đựng ban đầu. Không để lẫn với rác thải khác. Xử lý các hộp đựng bẩn giống như xử lý sản phẩm.

Xem www.retrologistik.com để biết quy trình về việc trả lại hóa chất và bình chứa hoặc liên hệ với chúng tôi nếu có câu hỏi nào khác.

Phần 14. Thông tin vận chuyển

Vận tải mặt đất (ADR/RID)

14.1 Số UN	UN 1105
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	PENTANOLS
14.3 Hạng	3
14.4 Nhóm đóng gói	III
14.5 môi trường độc hại	--
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	có
Mã giới hạn đối với vận chuyển qua đường hầm	D/E

Vận tải đường thủy nội địa (ADN)

Không liên quan

Vận tải đường không (IATA)

14.1 Số UN	UN 1105
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	PENTANOLS
14.3 Hạng	3
14.4 Nhóm đóng gói	III
14.5 môi trường độc hại	--

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	100979
Tên sản phẩm	Isoamyl alcohol for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng không

Vận tải đường biển (IMDG)

14.1 Số UN UN 1105

14.2 Tên vận chuyển thích hợp PENTANOLS

14.3 Hạng 3

14.4 Nhóm đóng gói III

14.5 môi trường độc hại --

14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng có

EmS F-E S-D

14.7 Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC

Không liên quan

Phần 15. Thông tin pháp luật

15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Luật pháp quốc gia

Lớp cất giữ 3

15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Đối với sản phẩm này, đánh giá an toàn hóa học theo quy định REACH của E U Số 1907/2006 không được thực hiện.

Phần 16. Các thông tin khác

Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 2 và 3.

H226 Chất lỏng và hơi dễ cháy.

H332 Có hại nếu hít phải.

H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

100979

Tên sản phẩm

Isoamyl alcohol for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Tư vấn về đào tạo

Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.

Dán nhãn

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm

H226 Chất lỏng và hơi dễ cháy.

H332 Có hại nếu hít phải.

H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.

EUH066 Phơi nhiễm lặp đi lặp lại có thể làm khô hoặc rạn da.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P210 Để xa nguồn nhiệt.

Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn

Có thể tìm từ viết tắt và cụm từ viết tắt tại <http://www.wikipedia.org>.

Thông tin có ở đây dựa trên vốn kiến thức hiện tại của chúng tôi. Thông tin mô tả sản phẩm liên quan đến các biện pháp an toàn phù hợp. Thông tin không tuyên bố sự đảm bảo về bất kỳ đặc điểm nào của sản phẩm.